TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 12 -2019
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điểu Phương
2. Ông Nguyễn Tất Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXX ST -HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1999 (vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Trịnh Khánh E, sinh năm 1998 (vắng mặt không có lý do)

Nguyên đơn, bị đơn cùng trú tại: khu phố T, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh E tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phước, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 31/10/2018. Sau khi kết hôn chị và anh E chung sống hạnh phúc được vài tháng đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện chị T và anh E đã

sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai cũng có cuộc sống riêng. Chị T cảm thấy hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Khánh E

Về con chung: Chị T trình bày chị và anh E không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh E không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trịnh Khánh E được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của anh E.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

- Nội dung giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh E do đó xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 8, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Trịnh Khánh E để tham gia phiên tòa nhưng anh E vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trịnh Khánh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Phước, thị xã Phước Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139, ngày 31/10/2018. Do vậy, hôn nhân giữa chị T và anh E là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh E chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do chị và anh E bất đồng quan điểm sống bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua xác minh tại địa phương được biết chị T và anh E đã sống ly thân từ tháng 12/2018, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm yêu thương lẫn nhau nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án giải quyết ly hôn tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh E vẫn không thể hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh E đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh E.

[4] Về con chung: Chị T trình bày không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí -lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trịnh Khánh E.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0006575 ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa